

Thực tập cơ sở chuyên ngành Điện

STT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
1	DTK1151010003	Hoàng Long An	9/2/1993						9	B	B	B	1.1	Thiếu Ban
2	K125520216216	Bùi Duy An	12/3/1994	7	6	6	8	7	7	6	8	5	6.7	Đạt
3	DTK0951010153	Lê Hoàng Anh	30/06/91						3	1	8	7	2.4	Thiếu Ban
4	DTK0951020503	Nguyễn Thế Anh	26/02/90						9		7	8	3.0	Thiếu Ban
5	DTK0951020647	Nguyễn Hùng Anh	2/12/1991						B		B	B	0.0	Thiếu Ban
6	DTK1051010402	Hoàng Đức Hoài Anh	29/07/92						8	1	8	7	3.0	Thiếu Ban
7	DTK1051030285	Cao Ngọc Anh	2/8/1992	B									0.0	Thiếu Ban
8	DTK1051060004	Nguyễn Ngọc Anh	31/07/92							B	B	B	0.0	Thiếu Ban
9	DTK1151010004	Ngô Ngọc Anh	26/09/93		8				3				1.2	Thiếu Ban
10	DTK1151010006	Nguyễn Tuấn Anh	10/2/1993						4	7	7	8	3.3	Thiếu Ban
11	DTK1151010655	Phạm Tuấn Anh	6/9/1993									7	0.9	Thiếu Ban
12	DTK1151020004	Đinh Ngọc Anh	10/8/1993							6			0.8	Thiếu Ban
13	DTK1151020063	Vũ Tuấn Anh	27/12/93								8		1.0	Thiếu Ban
14	DTK1151020065	Nguyễn Thị Hồng Anh	3/3/1993	B					10			8	2.3	Thiếu Ban
15	DTK1151030179	Nguyễn Thị Anh	4/4/1993	B				B					0.0	Thiếu Ban
16	K125140214009	Nguyễn Thị Châm Anh	25/05/94	9	5	8	7	7					3.6	Thiếu Ban
17	K125520201077	Nguyễn Tuấn Anh	29/03/94	6	6		6	7					2.5	Thiếu Ban
18	K125520201145	Đào Vũ Anh	30/11/94	4	7	4	6	6					2.7	Thiếu Ban
19	K125520201155	Lê Tuấn Anh	10/1/1993	7	7	8	6	7					3.5	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
20	K125520201228	Hoàng Duy	Anh	27/09/94	6	8	6	6	6					3.2	Thiếu Ban
21	K125520207043	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/10/93	6	8	8	7	7	9	7	6	8	7.4	Đạt
22	K125520207045	Hoàng Yên	Anh	22/08/94	8	8	7	8	7					3.8	Thiếu Ban
23	K125520216006	Phó Ngọc	Anh	22/01/94	4	5	5	6	7	7	7	7	8	6.3	Đạt
24	K125520216086	Đoàn Tuấn	Anh	28/08/93	4	5	7	5	8	8	5	6	5	5.9	Đạt
25	K125520216272	Trần Việt	Anh	4/7/1993								B		0.0	Thiếu Ban
26	DTK1051020086	Phạm Xuân	Ánh	24/07/92						B	B			0.0	Thiếu Ban
27	DTK1151030058	Trần Thị Ngọc	Ánh	8/3/1993						4		8		1.5	Thiếu Ban
28	1141100024	Vì Văn	Ba	30/07/90	6	7	6	5						2.4	Thiếu Ban
29	11110760107	Trương Hồng	Bắc	10/10/1988		B			B					0.0	Thiếu Ban
30	DTK1151020352	Hoàng Văn	Bằng	6/5/1992							7		1	1.0	Thiếu Ban
31	K125520216219	Liều Văn	Bảo	16/07/94	8	8	B	B	7					2.3	Thiếu Ban
32	DTK1051010325	Nguyễn Huy	Bình	26/02/91						8	1	5		1.8	Thiếu Ban
33	DTK1151010169	Phạm Văn	Bình	29/08/92						8	B	6	6	2.5	Thiếu Ban
34	K125520207002	Nguyễn Danh	Bình	9/8/1994	9	6	7	8		9	8	7	6	6.8	Thiếu Ban
35	K125520216007	Nguyễn Văn	Bình	6/4/1994		7	5	7		7	7	B	8	4.7	Thiếu Ban
36	K125520216008	Hoàng Văn	Bình	29/06/93	B	8	5	B	6	8	6	7	7	5.4	Thiếu Ban
37	K125520216115	Lê Xuân	Bình	9/10/1993	4	3	8	7			8		6	4.0	Thiếu Ban
38	K125520216218	Trần Văn	Bình	22/05/93	8	7	4	4	7					3.0	Thiếu Ban
39	K125520207115	Vì Văn	Bộ	9/5/1992	7	8	8	6	6					3.5	Thiếu Ban
40	K125520216275	Lương Như	Bộ	16/03/94						6	B	6	8	2.5	Thiếu Ban
41	DTK1151010661	Nông Kỳ	Cảm	29/12/93						9				1.1	Thiếu Ban
42	K125520201231	Bùi Văn	Cảnh	26/05/94	5	5	7	6	8					3.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
43	K125520201012	Hoàng Văn	Cạnh	20/10/94	7	5	6	6	7					3.1	Thiếu Ban
44	K125520216013	Đoàn Đức	Chí	30/08/93	6	8	8	7	6	B	7	6	7	6.0	Thiếu Ban
45	K125520216121	Nguyễn Văn	Chí	21/02/94		5	7	7	7					2.6	Thiếu Ban
46	K125520201014	Lăng Văn	Chi	23/01/94	7	7	5	7	8					3.4	Thiếu Ban
47	DTK1151010604	Vũ Văn	Chiến	9/11/1993						10	6		8	3.0	Thiếu Ban
48	DTK1151030187	Phạm Tiến	Chiến	27/03/93						8			B	1.0	Thiếu Ban
49	DTK1151030327	Nguyễn Văn	Chiến	5/3/1993						8	6			1.8	Thiếu Ban
50	K125520114068	Nguyễn Văn	Chiến	5/6/1994						8	8	6	7	3.6	Thiếu Ban
51	K125520201235	Triệu Văn	Chiến	3/1/1994	6	7	3	6						2.2	Thiếu Ban
52	K125520216277	Nguyễn Đình	Chiến	5/2/1994	6	6	7	6	7	6			8	5.0	Thiếu Ban
53	DTK0951010308	Ngô Xuân	Chiều	15/10/91		B								0.0	Thiếu Ban
54	K125520201082	Linh Thị	Chinh	23/05/94	7	6		6	6					2.5	Thiếu Ban
55	K125520214002	Nguyễn Viết	Chinh	6/3/1994						8	B	7	7	2.8	Thiếu Ban
56	K125520216010	Đào Thị Việt	Chinh	13/06/94	9	6	8	7	7	8	6	7	5	7.0	Đạt
57	DTK1151020006	Hoàng Văn	Chính	18/11/93							B			0.0	Thiếu Ban
58	DTK1151020416	Lộc Văn	Chức	18/10/92						9		8		2.1	Thiếu Ban
59	DTK1151010066	Trần Văn	Chung	10/7/1993								8		1.0	Thiếu Ban
60	DTK1151010546	Đỗ Bảo	Chung	16/11/92							6	8		1.8	Thiếu Ban
61	DTK1151010664	Nguyễn Văn	Chung	23/06/93	B			B	B					0.0	Thiếu Ban
62	DTK1151030122	Nịnh Văn	Chung	16/01/93							7		7	1.8	Thiếu Ban
63	K125520216012	Trần Xuân	Chung	27/10/94	9	6	8	7	7	7	6	7	5	6.8	Đạt
64	DTK1151010278	Nguyễn Văn	Chường	23/12/93						9	B	6	6	2.6	Thiếu Ban
65	K125520201011	Phùng Văn	Côn	11/5/1994	5	7	7	7	7	9	6	7		6.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
66	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	23/10/93						7	6	8	1	2.8	Thiếu Ban
67	DTK1151030183	Đinh Văn	Công	27/07/92	7	7	8	7	7					3.6	Thiếu Ban
68	K125520207005	Vy Văn	Cốt	25/02/94	7	8	6	7		9	8	7	6	6.6	Thiếu Ban
69	DTK1151020239	Trần Thị	Cúc	16/04/93						6	6	7		2.4	Thiếu Ban
70	K125520207053	Nguyễn Thị	Cúc	25/05/94	6	5	7	7	8					3.3	Thiếu Ban
71	DTK1151020067	Phạm Đình	Cương	4/4/1993	B									0.0	Thiếu Ban
72	K125520201080	Lại Tiến	Cương	3/10/1994	5	7			5			B		1.7	Thiếu Ban
73	K125520207050	Mai Biên	Cương	20/01/94	7	7	7	8	6					3.5	Thiếu Ban
74	DTK1051010089	Trần Mạnh	Cường	17/07/92						4	7			1.4	Thiếu Ban
75	DTK1051030149	Dương Văn	Cường	6/5/1992						7				0.9	Thiếu Ban
76	DTK1151010009	Nguyễn Tiến	Cường	24/10/92								8	8	2.0	Thiếu Ban
77	DTK1151020182	Hoàng Văn	Cường	23/09/93						9		7		2.0	Thiếu Ban
78	K125520201232	Nguyễn Văn	Cường	6/11/1993			8							0.8	Thiếu Ban
79	K125520201232	Nguyễn Văn	Cường	6/11/1993	8	5		8	7					2.8	Thiếu Ban
80	K125520201234	Đỗ Văn	Cường	24/12/94	5	6	2	B						1.3	Thiếu Ban
81	K125520207003	Nguyễn Văn	Cường	2/2/1994	6	6	6	7	7					3.2	Thiếu Ban
82	K125520216118	Nguyễn Khắc	Cường	14/02/94	9	5	7	7	7					3.5	Thiếu Ban
83	K125520216276	Hoàng Mạnh	Cường	10/8/1994	B		B	B	B					0.0	Thiếu Ban
84	DTK1151010550	Trần Xuân	Đại	15/03/93							5			0.6	Thiếu Ban
85	DTK1151020117	Lưu Văn	Đại	16/10/93				B				7		0.9	Thiếu Ban
86	K125520201241	Trình Hoàng	Đại	16/06/94			3							0.3	Thiếu Ban
87	K125520201241	Trình Hoàng	Đại	16/06/94	5	8	3	7	5	8	7	8	8	6.7	Đạt
88	K125520207001	Lâm Việt	Đại	29/12/94	5	6	7	7	7	6	8	6	6	6.5	Đạt

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
89	K125520216226	Hoàng Ngọc	Đại	24/01/94	7	7	3	7	8	4		8	5	5.3	Thiếu Ban
90	K125520201002	Lê Thế	Đảm	13/04/94	9	8	7		7					3.1	Thiếu Ban
91	DTK1151010496	Vũ Văn	Dân	26/03/93						9				1.1	Thiếu Ban
92	1141100013	Quàng Thị	Dần	18/04/91						5	6	7	7	3.1	Thiếu Ban
93	DTK1151030124	Phạm Văn	Dặng	22/02/93	B		6				1	7		1.6	Thiếu Ban
94	DTK1151010217	Nguyễn Đức	Đáng	11/4/1993							6	3	8	2.1	Thiếu Ban
95	K125520216225	Đỗ Văn	Đăng	14/03/94	8	8	5	7	6	9	7	7	9	7.4	Đạt
96	DTK1151010497	Trương Đình	Đảng	10/3/1993			7				7			1.6	Thiếu Ban
97	DTK1151030074	Đỗ Văn	Danh	10/7/1993						9		7	6	2.8	Thiếu Ban
98	K125520216101	Chu Thúc	Đạo	20/11/94	5	7	7	7	6	B			B	3.2	Thiếu Ban
99	DTK1051020523	Dương Văn	Đạt	23/08/92						9	6	6	6	3.4	Thiếu Ban
100	DTK1151010219	Bùi Văn	Đạt	19/08/93									8	1.0	Thiếu Ban
101	DTK1151010220	Lã Hồng	Đạt	21/07/93						9	1	7	7	3.0	Thiếu Ban
102	DTK1151010378	Lý Tiến	Đạt	25/09/93									7	0.9	Thiếu Ban
103	DTK1151010551	Trần Văn	Đạt	31/10/93						7		8	6	2.6	Thiếu Ban
104	DTK1151020359	Nguyễn Trọng	Đạt	22/02/93	6	5	8	6		8	7	7	6	6.0	Thiếu Ban
105	K125520201071	Vi Văn	Đạt	19/11/94	6	7	4		5					2.2	Thiếu Ban
106	K125520216227	Vũ Lạnh	Đạt	13/09/94	3	6	6	4	9					2.8	Thiếu Ban
107	K125520216282	Bùi Đức	Đạt	19/07/94	7	5	B	6	6		7	6		4.0	Thiếu Ban
108	1141100014	Lò Văn	Diêm	8/9/1991	7	7	7	7	7					3.5	Thiếu Ban
109	DTK1051030226	Nguyễn Văn	Điệp	4/1/1992								7		0.9	Thiếu Ban
110	K125520216283	Trần Minh	Điệp	20/10/93	6	6	6		7	KĐ	8	9	5	5.3	Thiếu Ban
111	DTK1151010547	Đinh Sỹ	Diệu	3/2/1993						B	6	B	B	0.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
112	K125520201247	Phùng Văn	Định	23/08/94	6	5		5	8					2.4	Thiếu Ban
113	K125520216172	Trần Bảo	Định	29/08/94	7	5	6	B	B					1.8	Thiếu Ban
114	K125520201165	Trần Thị Thanh	Dịu	20/08/94	5		7		6					1.8	Thiếu Ban
115	DTK1151020116	Nguyễn Thành	Đô	18/07/93	B		B						4	0.5	Thiếu Ban
116	K125520201004	Trần Văn	Độ	18/07/94	8	6	7	5	6					3.2	Thiếu Ban
117	K125520201072	Nguyễn Văn	Độ	13/11/94	7	8	7	6	6					3.4	Thiếu Ban
118	DTK1151010553	Đồng Ngọc	Đoan	18/02/88					6					0.6	Thiếu Ban
119	DTK1151010056	Nguyễn Hữu	Đoàn	2/3/1993						9				1.1	Thiếu Ban
120	DTK1151030174	Đỗ Tấn	Đoàn	27/11/93							6	7		1.6	Thiếu Ban
121	K125520201073	Nguyễn Bá	Đoàn	11/10/1993	8	6	6	6						2.6	Thiếu Ban
122	K125520201169	Lê Văn	Đoàn	20/06/94	B	B		7	B		6			1.5	Thiếu Ban
123	K125520216083	Nguyễn Văn	Doanh	12/8/1994	7	5	7	7	6	KĐ			6	4.0	Thiếu Ban
124	DTK1051030155	Nguyễn Xuân	Đông	20/12/91						1	6	7	9	2.9	Thiếu Ban
125	DTK1151030281	Trương Quang	Đông	18/08/93							7			0.9	Thiếu Ban
126	K125520216281	Hà Văn	Đông	19/10/94	6	6	7	7	7		8		8	5.3	Thiếu Ban
127	DTK1151010666	Phạm Trung	Du	24/04/93						5		8		1.6	Thiếu Ban
128	K125520216125	Khuong Văn	Dự	2/10/1993	9	7	7	7	8					3.8	Thiếu Ban
129	K125520216005	Ma Đình	Đưa	5/7/1994	6	7	B	7	6	6	8	7	7	6.1	Thiếu Ban
130	K125520216126	Nguyễn Quang	Duẩn	15/05/94	7	6	7	5	7					3.2	Thiếu Ban
131	DTK1051010341	Nguyễn Việt	Đức	21/04/92						8	7	8	B	2.9	Thiếu Ban
132	DTK1051020017	Diệp Anh	Đức	13/06/91		8			B		8			1.8	Thiếu Ban
133	DTK1151010113	Bùi Minh	Đức	1/7/1993	B			7	B	6				1.5	Thiếu Ban
134	DTK1151010273	Nguyễn Lăng	Đức	27/09/93						6	B	5	6	2.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
135	DTK1151020177	Nguyễn Trung Đức	5/2/1993						9	6	6	7	3.5	Thiếu Ban
136	DTK1151030119	Nguyễn Đình Đức	25/12/93								8		1.0	Thiếu Ban
137	K125520201074	Nguyễn Văn Đức	26/10/94	6		8	6	7					2.7	Thiếu Ban
138	K125520201075	Bùi Văn Đức	28/06/93	6	6	7	7	8					3.4	Thiếu Ban
139	K125520216090	Nguyễn Văn Đức	10/10/1994	7	8	5	7	8					3.5	Thiếu Ban
140	K125520216096	Nguyễn Trung Đức	5/3/1994	6	6	4	7						2.3	Thiếu Ban
141	K125520216107	Phạm Công Đức	8/10/1994						8		7	B	1.9	Thiếu Ban
142	K125520216228	Lý Đăng Đức	11/2/1993	7	8	7	5	9	8	7	6	8	7.2	Đạt
143	DTK0951020366	Tổng Văn Dũng	9/5/1991					B					0.0	Thiếu Ban
144	DTK1051030153	ứng Văn Dũng	13/10/92						5	5	7	B	2.1	Thiếu Ban
145	DTK1151010067	Lê Minh Dũng	21/12/93						5				0.6	Thiếu Ban
146	DTK1151010613	Đặng Việt Dũng	14/12/93						9	6	7		2.8	Thiếu Ban
147	DTK1151020298	Hà Mai Dũng	19/07/93			B		B					0.0	Thiếu Ban
148	DTK1151030125	Nguyễn Văn Dũng	22/02/93							1			0.1	Thiếu Ban
149	K125520201085	Nguyễn Văn Dũng	1/7/1994		7	5		7					1.9	Thiếu Ban
150	K125520216014	Lê Anh Dũng	26/08/94		7	7	8		7	7	6	8	5.7	Thiếu Ban
151	K125520216082	Mê Tiến Dũng	9/10/1993	4	8	6	8	6	B			8	4.2	Thiếu Ban
152	K125520216123	Lê Anh Dũng	6/2/1994	7	7	7	6	6					3.3	Thiếu Ban
153	K125520216223	Hà Anh Dũng	4/8/1994	4	6	7	6	9					3.2	Thiếu Ban
154	DTK1151030001	Nguyễn Văn Được	6/1/1993					B	B	1	7		1.0	Thiếu Ban
155	DTK1151020296	Hoàng Năng Dương	4/3/1993						9	8	6		2.9	Thiếu Ban
156	K125520103330	Nguyễn Văn Dương	16/05/93	B									0.0	Thiếu Ban
157	K125520201083	Đỗ Văn Dương	8/11/1994	6	7	3	6	9					3.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
158	K125520201236	Trịnh Văn Anh	Dương	6/2/1993	8	7	8	7	7					3.7	Thiếu Ban
159	DTK1151010437	Nguyễn Văn	Duy	22/05/93	3									0.3	Thiếu Ban
160	DTK1151020244	Trần Khương	Duy	17/02/93		B	7	6						1.3	Thiếu Ban
161	DTK1151020421	Vũ Ngọc	Duy	2/9/1993									7	0.9	Thiếu Ban
162	DTK1151030279	Hà Khương	Duy	22/03/93						8			B	1.0	Thiếu Ban
163	K125520201166	Hoàng Văn	Duy	29/12/94	7	6	8	6						2.7	Thiếu Ban
164	K125520201239	Lê Tiến	Duy	10/5/1993	5	7	7	8	8					3.5	Thiếu Ban
165	K125520201308	Thân Quang	Duy	10/9/1994	8	7	B	6	6	7	5		7	5.1	Thiếu Ban
166	K125520216128	Phạm Văn	Duy	18/06/94			6	B	B					0.6	Thiếu Ban
167	DTK1151030126	Ngô Thị	Duyên	13/10/93						9	7		6	2.8	Thiếu Ban
168	K125520201240	Nguyễn Thị	Duyên	31/09/94	7	8	4	7	7	9	6	6	8	6.9	Đạt
169	DTK1151010070	Phạm Thê	Duyệt	6/3/1992						8				1.0	Thiếu Ban
170	1141100015	Tao Thị	Én	16/01/90						9	7	3	7	3.3	Thiếu Ban
171	K125520201139	Nguyễn Trọng	Giang	24/09/94	5	6		7		5		8		3.4	Thiếu Ban
172	K125520201149	Nguyễn Trường	Giang	4/4/1993	7	8	6	8	6					3.5	Thiếu Ban
173	K125520216229	Đông Ngọc	Giáp	5/11/1993	5	8	5	8	7	9	7	8		6.3	Thiếu Ban
174	K125520216285	Lê Xuân	Giáp	5/4/1994	6	5	7	6	7		7		8	5.0	Thiếu Ban
175	DTK0951020011	Phùng Quang	Hà	23/03/90						9		7		2.0	Thiếu Ban
176	DTK1151010671	Kiều Mạnh	Hà	23/07/92						4	8		4	2.0	Thiếu Ban
177	K125520201248	Lương Văn	Hà	19/07/93	6	8	8	6	8	KĐ				3.6	Thiếu Ban
178	K125520201249	Nguyễn Lương	Hà	1/5/1993	7	6	7	7	6					3.3	Thiếu Ban
179	K125520207009	Nguyễn Xuân	Hà	9/5/1994		7	7	6	8					2.8	Thiếu Ban
180	K125520216017	Đào Thanh	Hà	22/11/94	6	5	8	7	7	7	6	7	6	6.6	Đạt

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiện	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
181	DTK0951010172	Nguyễn Văn	Hải	13/10/91						KĐ	B	B	B	0.0	Thiếu Ban
182	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	16/03/91							6		8	1.8	Thiếu Ban
183	DTK1051010185	Nguyễn Văn	Hải	9/5/1992						3	B	7	5	1.9	Thiếu Ban
184	DTK1051010745	Phạm Văn	Hải	15/08/92							B	7	5	1.5	Thiếu Ban
185	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91						9	6	B	7	2.8	Thiếu Ban
186	DTK1151010074	Bùi Đình	Hải	13/11/93							7			0.9	Thiếu Ban
187	DTK1151010287	Nguyễn Đức	Hải	14/01/93	B									0.0	Thiếu Ban
188	DTK1151010443	Trần Mạnh	Hải	20/04/91						1	1	5		0.9	Thiếu Ban
189	DTK1151010556	Lê Đình	Hải	21/02/93							7			0.9	Thiếu Ban
190	DTK1151020012	Trần Thanh	Hải	3/9/1993	5									0.5	Thiếu Ban
191	K125520103132	Lê Hồng	Hải	14/09/94		B								0.0	Thiếu Ban
192	K125520201177	Quách Văn	Hải	23/05/93	7	7	7	7	B					2.8	Thiếu Ban
193	K125520216230	Nguyễn Ngọc	Hải	25/10/94	8	6	8	5	8					3.5	Thiếu Ban
194	K125520216286	Nguyễn Văn	Hải	26/09/93	B									0.0	Thiếu Ban
195	K125520201086	Nguyễn Thị	Hằng	29/12/94	8	8	8	6	6					3.6	Thiếu Ban
196	K125520207007	Thân Thị	Hằng	20/07/94	9	9	8	6	7	4	8	6	7	7.0	Đạt
197	K125520216129	Hoàng Thu	Hằng	9/1/1994	5	6	8	8	8	9	1	7	7	6.5	Đạt
198	DTK1151030233	Tường Thị	Hạnh	17/07/93								7		0.9	Thiếu Ban
199	K125520216130	Nguyễn Thế	Hạnh	5/2/1993	9	7	7	6	7	8	5	6	8	7.0	Đạt
200	K125520216299	Nhữ Thị	Hạnh	25/05/93	7	8	8	7	6	KĐ	8			4.6	Thiếu Ban
201	K125520201087	Nguyễn Văn	Hào	13/12/89	6	7	5	6	8					3.2	Thiếu Ban
202	DTK1151020366	Trần Đăng	Hào	11/4/1993							6			0.8	Thiếu Ban
203	K125520201251	Bùi Văn	Hào	18/07/94	8	6	7	6	8					3.5	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
204	K125520207010	Hoàng Thị	Hảo	27/10/93	6	7			7	8	8	7	8	5.9	Thiếu Ban
205	DTK1151030079	Nguyễn Văn	Hậu	24/08/93						7				0.9	Thiếu Ban
206	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	23/03/94	9	8	3	7	6		6	7		4.9	Thiếu Ban
207	K125520216305	Bùi Huy	Hậu	20/04/93	4	8	5	6	6	7	7	8	9	6.8	Đạt
208	K125520201089	Trần Văn	Hiên	8/2/1994	4	7	6	5	6					2.8	Thiếu Ban
209	DTK1051020107	Lý Văn	Hiên	10/3/1992	8									0.8	Thiếu Ban
210	DTK1151030237	Nguyễn Thị	Hiên	27/09/93						7	6	7	7	3.4	Thiếu Ban
211	K125140214004	Phạm Thị	Hiên	2/8/1994	6	8	6	6	7					3.3	Thiếu Ban
212	K125520207012	Nguyễn Thị	Hiên	25/07/93	8	8	5	6	7					3.4	Thiếu Ban
213	K125520216288	Nguyễn Tiến	Hiên	12/2/1994	8	5	7	7	7					3.4	Thiếu Ban
214	DTK1151020305	Phạm Hữu	Hiên	24/11/93						KĐ	B		B	0.0	Thiếu Ban
215	DTK1051020271	Nguyễn Văn	Hiệp	5/5/1992						B		B	B	0.0	Thiếu Ban
216	DTK1051030307	Nguyễn Hoàng	Hiệp	4/10/1992						9	1	4	B	1.8	Thiếu Ban
217	DTK1151010394	Nguyễn Văn	Hiệp	24/12/93							6	6	6	2.3	Thiếu Ban
218	DTK1151010622	Phạm Quang	Hiệp	27/10/92						4	7	7	6	3.0	Thiếu Ban
219	DTK1151030080	Nguyễn Văn	Hiệp	5/8/1993							6	7	7	2.5	Thiếu Ban
220	K125520201255	Trần Hoàng	Hiệp	25/03/94	7	6	7	6	8					3.4	Thiếu Ban
221	K125520207013	Bùi Huy	Hiệp	13/06/94	7	7	8	7	6	9	7	7		6.4	Thiếu Ban
222	K125520207063	Nguyễn Sĩ	Hiệp	14/11/92	8	6	7	6	7	9	6	6	8	7.0	Đạt
223	K125520216022	Phạm Văn	Hiệp	28/06/93	9	7	5		7	KĐ	6	7	6	5.2	Thiếu Ban
224	K125520216132	Trần Xuân	Hiệp	19/02/94	5	7	7	6	6	8		6	7	5.7	Thiếu Ban
225	K125520216300	Nguyễn Hoàng	Hiệp	1/9/1993	5	7	6	B	7					2.5	Thiếu Ban
226	DTK1051020026	Trần Trung	Hiếu	5/1/1992		B		B	B	7	7	8	7	3.6	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
227	DTK1051020109	Lường Hữu	Hiếu	10/6/1991							B			0.0	Thiếu Ban
228	DTK1151010395	Nguyễn Trung	Hiếu	26/10/93						9		7		2.0	Thiếu Ban
229	DTK1151020368	Nguyễn Xuân	Hiếu	27/09/93						8			B	1.0	Thiếu Ban
230	DTK1151030025	Lành Văn	Hiếu	12/12/1993							6	8	9	2.9	Thiếu Ban
231	DTK1151030131	Nguyễn Trí	Hiếu	1/4/1993	B					9	B	8	7	3.0	Thiếu Ban
232	K125520114019	Nguyễn Văn	Hiếu	25/09/94	B	B	B	B	B					0.0	Thiếu Ban
233	K125520201182	Đặng Văn	Hiếu	18/06/94	9	7	7	7	8			B		3.8	Thiếu Ban
234	K125520201183	Đinh Văn	Hiếu	3/5/1994	5	6	7	6	8					3.2	Thiếu Ban
235	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu	5/4/1994	7	6	6	6	B	6	6	8	4	5.5	Thiếu Ban
236	DTK1151010448	Nguyễn Văn	Hiếu	29/12/93						8		7	6	2.6	Thiếu Ban
237	DTK0951010861	Đỗ Đức	Hiệu	18/01/89							6			0.8	Thiếu Ban
238	K125520201303	Lê Minh	Hiệu	22/03/94	B	9	6	7	B					2.2	Thiếu Ban
239	K125520216021	Nguyễn Tuấn	Hình	21/05/94	8	7	7	7	7	B		8	8	5.6	Thiếu Ban
240	DTK1151020194	Lưu Quỳnh	Hoa	23/12/93								6	6	1.5	Thiếu Ban
241	DTK1151060019	Ngô Thị	Hoa	14/04/93						1	6			0.9	Thiếu Ban
242	DTK1051010114	Trần Đình	Hòa	19/09/92						7	7	8	8	3.8	Thiếu Ban
243	DTK1051010193	Phạm Việt	Hòa	2/10/1992						4	8	8	7	3.4	Thiếu Ban
244	K125520216291	Nguyễn Văn	Hòa	29/04/93	9	6	6	6	7					3.4	Thiếu Ban
245	DTK1151030084	Hứa Kế	Hoạch	16/05/93							6	7	7	2.5	Thiếu Ban
246	DTK1151010397	Lê Đình	Hoàn	9/1/1992						8		6		1.8	Thiếu Ban
247	DTK1151030133	Đỗ Trần	Hoàn	19/02/93						5	6	7		2.3	Thiếu Ban
248	DTK1151030241	Trần Văn	Hoàn	1/4/1993								7		0.9	Thiếu Ban
249	K125520207066	Lâm Văn	Hoàn	11/6/1994	8	4	6	8	5					3.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
250	K125520216234	Vũ Văn	Hoàn	8/3/1994	8	3	8	5	7					3.1	Thiếu Ban
251	DTK1051020636	Đỗ Minh	Hoàng	4/11/1987						6	6	B	6	2.3	Thiếu Ban
252	DTK1151020080	Tạ Huy	Hoàng	13/12/93	4	B	3	4	6					1.7	Thiếu Ban
253	DTK1151020193	Nguyễn Văn	Hoàng	13/12/93									8	1.0	Thiếu Ban
254	DTK1151020254	Lê Văn	Hoàng	24/06/93						7				0.9	Thiếu Ban
255	DTK1151020430	Nguyễn Đức	Hoàng	20/11/93							6	B		0.8	Thiếu Ban
256	DTK1151020431	Vũ Văn	Hoàng	29/11/93							7	6		1.6	Thiếu Ban
257	K125520201188	Đinh Việt	Hoàng	29/10/94	6	6	7	8	6					3.3	Thiếu Ban
258	K125520201262	Đỗ Trọng	Hoàng	27/02/94	5	6	8	5	7					3.1	Thiếu Ban
259	K125520216026	Trương Thái	Hoàng	24/03/94	6	5	3	6	7	7	B	6	1	4.5	Thiếu Ban
260	K125520216290	Lê Ngọc	Hoàng	8/7/1994							B	B		0.0	Thiếu Ban
261	K125520216301	Quách Quý	Hoàng	9/3/1993	8	6	6	6	8					3.4	Thiếu Ban
262	DTK1151010740	Hoàng Khắc	Hoạt	10/3/1991	B	B	B		B	9	7	8	6	3.8	Thiếu Ban
263	K125520216174	Lê Văn	Hồng	8/11/1993	4	5	4	7	6	KĐ	3	7	5	4.5	Thiếu Ban
264	11110710546	Nguyễn Văn	Hợp	23/01/87							6			0.8	Thiếu Ban
265	DTK1151020369	Nguyễn Văn	Hợp	6/9/1993						8	5			1.6	Thiếu Ban
266	K125520207108	Nguyễn Thị	Hợp	13/08/94	9	7	7	5	7					3.5	Thiếu Ban
267	DTK1051010754	Nguyễn Văn	Huân	31/03/91						8		6		1.8	Thiếu Ban
268	DTK1051020195	Nguyễn Văn	Huân	2/1/1992						7	6	7		2.5	Thiếu Ban
269	DTK1051020277	Dương Văn	Huân	2/4/1992						5		8	B	1.6	Thiếu Ban
270	DTK0951030245	Ngô Văn	Huân	24/09/91							B			0.0	Thiếu Ban
271	DTK1151020308	Lê Văn	Huân	4/7/1993						9	7	6	5	3.4	Thiếu Ban
272	DTK1151010712	Ngô Thị	Huế	5/3/1993						9			5	1.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
273	DTK1051010675	Hà Đức	Huệ	29/04/92						5	6	6	6	2.9	Thiếu Ban
274	DTK1051010900	Đặng Thị	Huệ	16/06/91						6		7	8	2.6	Thiếu Ban
275	K125520207016	Vì Thị	Huệ	25/01/94	7	3	6	6	7	9	7	7		5.8	Thiếu Ban
276	K125520207110	Ngô Thị	Huệ	28/05/93	8	8	7	5	6					3.4	Thiếu Ban
277	DTK1051020352	Tổng Thanh	Hùng	23/04/92	8		7			9	6	7	7	5.1	Thiếu Ban
278	DTK1151010076	Bùi Việt	Hùng	14/06/93			B							0.0	Thiếu Ban
279	DTK1151010446	Nguyễn Văn	Hùng	5/3/1993						B	KĐ	B	B	0.0	Thiếu Ban
280	DTK1151010673	Hà Văn	Hùng	15/02/93						7				0.9	Thiếu Ban
281	DTK1151020014	Lê Đắc	Hùng	25/07/93							5			0.6	Thiếu Ban
282	DTK1151030192	Lù Văn	Hùng	15/03/92								B		0.0	Thiếu Ban
283	K125140214003	Lê Việt	Hùng	24/08/94	6		6	6	8			B		2.6	Thiếu Ban
284	K125520201179	Hoàng Xuân	Hùng	6/12/1991	B		B							0.0	Thiếu Ban
285	K125520201180	Nguyễn Tuấn	Hùng	25/07/94	9	B	7	6	B					2.2	Thiếu Ban
286	K125520201254	Nguyễn Văn	Hùng	4/1/1994	7	8	6	8	6					3.5	Thiếu Ban
287	K125520216020	Phạm Đức	Hùng	17/10/94	6	5	8			KĐ	6	7	7	4.4	Thiếu Ban
288	K125520216175	Nguyễn Phi	Hùng	4/7/1994								B		0.0	Thiếu Ban
289	K125520216232	Vũ Xuân	Hùng	1/1/1993	8	8	7	8	7	6			5	5.2	Thiếu Ban
290	11110710483	Dương Văn	Hưng	27/05/88								7	8	1.9	Thiếu Ban
291	DTK1151010236	Trần Quốc	Hưng	12/10/1993							7	8	7	2.8	Thiếu Ban
292	DTK1151010346	Nguyễn Phúc	Hưng	2/4/1993							6			0.8	Thiếu Ban
293	DTK1151020018	Lê Quang	Hưng	9/9/1993	B									0.0	Thiếu Ban
294	DTK1151020019	Lương Quý	Hưng	18/03/93	7	7	7	6	6	9	1	5	8	6.2	Đạt
295	DTK1151020132	La Văn	Hưng	4/7/1993							6			0.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
296	DTK1151020491	Nguyễn Duy	Hung	18/10/93		7	8	6		KĐ	5	7	7	4.5	Thiếu Ban
297	DTK1151030026	Nguyễn Việt	Hung	13/12/93						8	7	4	5	3.0	Thiếu Ban
298	K125520201091	Nguyễn Đắc	Hung	1/6/1994	9	5	B	B	6					2.0	Thiếu Ban
299	K125520201140	Nguyễn Ngọc	Hung	6/3/1994	9	7	8	5	7	8				4.6	Thiếu Ban
300	K125520201142	Nguyễn Quốc	Hung	27/09/94	8	5	6	8	6					3.3	Thiếu Ban
301	K125520201185	Vũ Tiến	Hung	13/09/89	8	8	8	7	6					3.7	Thiếu Ban
302	K125520201186	Nguyễn Văn	Hung	3/12/1994	6	5	8	6	7	KĐ	5	7	6	5.5	Thiếu Ban
303	K125520201187	Phan Văn	Hung	20/09/94	6	8	7	6	7	KĐ	B	7		4.3	Thiếu Ban
304	K125520207015	Lý Văn	Hung	8/10/1993	8	7	7	6	7					3.5	Thiếu Ban
305	K125520216024	Nguyễn Hữu	Hung	16/06/94						KĐ	6	7	7	2.5	Thiếu Ban
306	K125520216133	Nguyễn Bá	Hung	12/7/1993	6	8	B	6	6	8	7	8	8	6.5	Thiếu Ban
307	K125520216177	Tạ Xuân	Hung	10/9/1994	6	7	6	7	7	9	8	8	7	7.3	Đạt
308	K125520216289	Ngô Văn	Hung	23/10/94	8	6	7	7	6					3.4	Thiếu Ban
309	DTK1151010442	Vũ Văn	Hương	30/10/93						1	B	8	7	2.0	Thiếu Ban
310	DTK1151020129	Hoàng Thị Thu	Hương	22/02/93					B					0.0	Thiếu Ban
311	DTK1151030016	Nguyễn Thị	Hương	28/10/93						8				1.0	Thiếu Ban
312	K125140214002	Nguyễn Thị	Hương	6/9/1993	6	8	7	6	6					3.3	Thiếu Ban
313	K125520207008	Hoàng Thị Thu	Hương	27/10/94	6	9	7	6	7					3.5	Thiếu Ban
314	DTK1151020075	Ngô Văn	Hướng	15/12/91					B			7		0.9	Thiếu Ban
315	K125520207060	Phan Văn	Hướng	23/05/94	5	5	B	7	6					2.3	Thiếu Ban
316	K125520207061	Nguyễn Hữu	Hướng	29/11/94	8	3	5	8	7					3.1	Thiếu Ban
317	K125520216287	Đinh Văn	Hướng	29/10/94	7	8	5	6	7	KĐ	B	7	B	4.2	Thiếu Ban
318	DTK0951010103	Hoàng Văn	Hữu	29/05/90								6		0.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
319	DTK1051010035	Nguyễn Mạnh	Huy	7/5/1991							6			0.8	Thiếu Ban
320	DTK1051020279	Phạm Văn	Huy	19/02/92						B				0.0	Thiếu Ban
321	DTK1051020452	Nguyễn Quang	Huy	18/08/92						6			7	1.6	Thiếu Ban
322	DTK1151010132	Nguyễn Quang	Huy	18/06/93						9				1.1	Thiếu Ban
323	DTK1151010351	Nguyễn Trung	Huy	12/3/1993						B		B	B	0.0	Thiếu Ban
324	DTK1151010452	Nguyễn Quốc	Huy	11/8/1993						5	B	7	8	2.5	Thiếu Ban
325	DTK1151010453	Trần Văn	Huy	18/06/93						5	7			1.5	Thiếu Ban
326	DTK1151020026	Hoàng Văn	Huy	13/09/92							KĐ			0.0	Thiếu Ban
327	DTK1151020256	Lê Văn	Huy	19/08/93						1				0.1	Thiếu Ban
328	DTK1151030135	Vũ	Huy	18/10/90									5	0.6	Thiếu Ban
329	DTK1151030136	Nông Quốc	Huy	21/07/93						9			8	2.1	Thiếu Ban
330	DTK1151030197	Dương Văn	Huy	4/4/1992						9			8	2.1	Thiếu Ban
331	K125520201024	Đinh Quang	Huy	23/07/94	6	B	B	7			6			2.1	Thiếu Ban
332	K125520201092	Nguyễn Quang	Huy	21/03/94	3	7	5	6	8					2.9	Thiếu Ban
333	K125520201263	Lường Văn	Huy	13/02/94	4	4	7	7	7	8		7	7	5.7	Thiếu Ban
334	K125520207069	Trần Văn	Huy	13/11/93	5	8	6	B	7					2.6	Thiếu Ban
335	K125520216027	Phạm Ngọc	Huy	17/06/94	8		8		7					2.3	Thiếu Ban
336	K125520216135	Ngô Văn	Huy	26/12/92	B		5	B						0.5	Thiếu Ban
337	K125520216179	Trần Phúc	Huy	17/07/94	4	7	5	9	8	8	7	B	9	6.3	Thiếu Ban
338	K125520201264	Dương Thị	Huyền	20/05/93	6	4	8	7	8		7			4.2	Thiếu Ban
339	K125520207042	Nguyễn Thị	Huyền	10/5/1994	8	6	8	7	8	8	B	6	7	6.3	Thiếu Ban
340	K125520216236	Hoàng Văn	Huỳnh	27/09/94	7	7	4	7	9	6		8	5	5.8	Thiếu Ban
341	DTK1151020023	Lê Đức	Huỳnh	23/02/92							6			0.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
342	K125520216136	Bùi Quang	Khải	24/04/94	5	3	3	5						1.6	Thiếu Ban
343	K125520201193	Phạm Công	Khẩn	12/4/1992	9	6	7	5	8					3.5	Thiếu Ban
344	DTK1151020311	Nguyễn Duy	Khanh	27/09/93						9				1.1	Thiếu Ban
345	K125520201266	Tạ Văn	Khanh	26/03/94		5		7	8					2.0	Thiếu Ban
346	K125520214010	Hoàng Văn	Khanh	20/12/94	B	B	B	B	B					0.0	Thiếu Ban
347	K125520216293	Hoàng Công	Khanh	8/8/1994	7	6	5	6	6	9	7	8	8	7.0	Đạt
348	K125520201026	Nguyễn Huy	Khánh	12/3/1994	5	7	8	6	7	7	7	8	5	6.7	Đạt
349	K125520201094	Lâm Quốc	Khánh	8/6/1994	6	6	4	6	7					2.9	Thiếu Ban
350	K125520216030	Chu Huy	Khánh	5/12/1994						8	B	6		1.8	Thiếu Ban
351	K125520216031	Nguyễn Cao	Khánh	4/3/1994	6	8	4	6	7		B			3.1	Thiếu Ban
352	K125520216032	Phạm Duy	Khánh	27/10/94	4	5	3	7			B			1.9	Thiếu Ban
353	K125520216033	Nguyễn Tấn	Khánh	19/08/94	5	5	5	7	7	9	8	8	9	7.2	Đạt
354	DTK1151010401	Trương Văn	Khiêm	12/1/1993						9	6	7	6	3.5	Thiếu Ban
355	K125520201095	Tô Phúc	Khiêm	1/11/1994	8	5	5	7	7					3.2	Thiếu Ban
356	DTK1151020312	Lê Văn	Khoa	24/12/92							7			0.9	Thiếu Ban
357	DTK1151010739	Vũ Văn	Khôi	23/02/87						8	6			1.8	Thiếu Ban
358	DTK1151020084	Phạm Đình	Khôi	28/10/93						B	7	6	7	2.5	Thiếu Ban
359	DTK1151010399	Hoàng Văn	Khuong	26/08/93						4	6	7		2.1	Thiếu Ban
360	DTK0951020168	Vũ Duy	Kiểm	29/06/91			B							0.0	Thiếu Ban
361	DTK1051030242	Nguyễn Đình	Kiên	5/12/1992						8				1.0	Thiếu Ban
362	DTK1151020257	Mai Trung	Kiên	6/9/1993									7	0.9	Thiếu Ban
363	DTK1151020259	Chu Mạnh	Kiên	23/07/93		B								0.0	Thiếu Ban
364	K125520216035	Nguyễn Duy	Kiên	12/10/1994	7	B	B	7	7	B			8	3.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
365	K125520216138	Trịnh Văn	Kiên	25/03/94	7	8	8	7	7	9	7	6	8	7.5	Đạt
366	K125520216294	Nguyễn Trung	Kiên	8/7/1993	6	8	8	9	7	9		5		5.6	Thiếu Ban
367	DTK1151020313	Giang Ngọc	Kiệt	8/5/1993						6	B	5	4	1.9	Thiếu Ban
368	DTK1151030091	Nguyễn Như	Lai	11/9/1993								7	8	1.9	Thiếu Ban
369	11110740325	Đỗ Bá	Lâm	28/12/89								8		1.0	Thiếu Ban
370	DTK0951020034	Nguyễn Hoàng	Lâm	9/10/1991							8	6		1.8	Thiếu Ban
371	DTK1151010455	Nguyễn Văn	Lâm	24/03/93						8			7	1.9	Thiếu Ban
372	DTK1151020027	Lương Khánh	Lâm	31/05/93						9				1.1	Thiếu Ban
373	K125520201028	Hoàng Đình	Lâm	11/9/1994	7	B	7	6	6					2.6	Thiếu Ban
374	K125520201096	Nguyễn Đức	Lâm	5/5/1994	6	5	8		6	KĐ	6	8	6	5.0	Thiếu Ban
375	K125520201269	Nguyễn Việt Tùng	Lâm	27/07/94	8	6	6	7	8					3.5	Thiếu Ban
376	K125520207111	Ngô Tuấn	Lâm	30/07/94	8	6	7	8	8					3.7	Thiếu Ban
377	K125520207120	Hứa Thị ánh	Lâm	13/11/94	9	B	6							1.5	Thiếu Ban
378	K125520216036	Lê Trung	Lâm	31/12/94	6	5	6	5	8	9	7	7	7	6.8	Đạt
379	K125520216139	Triệu Tùng	Lâm	16/03/93	9	8	7	7	7		6	7	8	6.4	Thiếu Ban
380	K125520216295	Đoàn Văn	Lâm	6/10/1994	6	7	7	7	6			5		3.9	Thiếu Ban
381	K125520201029	Hoàng Ngọc	Lan	8/11/1993	8	8	8		7	7	7	8	6	6.6	Thiếu Ban
382	K125520214003	Dương Thị	Lan	6/1/1994	8	7	7	7	7		1	5	7	5.2	Thiếu Ban
383	K125520216038	Nguyễn Thanh	Liêm	23/04/94	7	8	8	7	7	8	6	7	7	7.2	Đạt
384	K125520216307	Lưu Xuân	Liêm	9/6/1994	8	5	7	6	6	7	3	7	5	6.0	Đạt
385	K125520216039	Hoàng Thị	Liên	4/4/1994	8	7	6	7	7	8	7	8	7	7.3	Đạt
386	DTK1151010403	Đỗ Quang	Linh	17/09/93						7	7	5	B	2.4	Thiếu Ban
387	K125520216040	Nguyễn Thùy	Linh	10/7/1994	7	5	7	6	8	6	6	5	8	6.4	Đạt

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lường	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
388	K125520216240	Lương Thị	Linh	2/4/1993	5	B	7	6	7	8	6		7	5.1	Thiếu Ban
389	K125520207076	Đầu Thị	Loan	1/7/1993	8	7	6	7	7					3.5	Thiếu Ban
390	DTK1151020380	Nông Hoàng	Lộc	21/09/93							8			1.0	Thiếu Ban
391	K125520201196	Lương Văn	Lộc	15/10/94	7	5	8		8	KĐ	5	7	6	5.1	Thiếu Ban
392	K125520207073	Trần Thế	Lộc	21/04/94	7	4	8	8	7					3.4	Thiếu Ban
393	DTK1151010404	Trần Đức	Long	15/05/93							6			0.8	Thiếu Ban
394	K125520201030	Mai Minh	Long	3/8/1993		6	5	8	6					2.5	Thiếu Ban
395	K125520201099	Nguyễn Văn	Long	3/2/1994	6	6	5	8	6					3.1	Thiếu Ban
396	K125520201271	Nguyễn Ngọc	Long	19/10/94	5	6	7	6	B					2.4	Thiếu Ban
397	K125520207078	Tổng Văn	Long	10/5/1994	7	7	6	7	6					3.3	Thiếu Ban
398	K125520216041	Hà Tân	Long	23/01/94	6	8	7	6	7	7	7	7	8	7.0	Đạt
399	K125520216042	Nguyễn Văn	Luận	23/03/94	7	5	7	7	7	9	7	7	8	7.2	Đạt
400	DTK1151020198	Trương Tuấn	Lực	14/04/93						8	6	4	7	3.1	Thiếu Ban
401	DTK1151030093	Vũ Văn	Lực	10/11/1993							6			0.8	Thiếu Ban
402	K125520207019	Dương Văn	Lực	24/07/94	8	7	8	6		B	B	B	B	2.9	Thiếu Ban
403	K125520216183	Nguyễn Trọng	Lương	14/10/94	4	5	6	7	7	7	3	7	5	5.7	Đạt
404	DTK1151020087	Chu Văn	Lượng	6/8/1993	8	B	5	5	6					2.4	Thiếu Ban
405	DTK0951020679	Âu Ngọc	Lưu	3/8/1989							B		6	0.8	Thiếu Ban
406	DTK1151020088	Nguyễn Thị	Ly	5/9/1993		B								0.0	Thiếu Ban
407	K125520216043	Đinh Thị	Ly	16/01/94						6	6	8	7	3.4	Thiếu Ban
408	DTK1151020089	Lục Thị	Mai	13/05/93	B	7		B	B	9		6	7	3.5	Thiếu Ban
409	K125520216046	Nguyễn Thị	Mai	15/01/94	9	6	8	8	7	5	6	7	8	7.1	Đạt
410	DTK0951010266	Ngô Văn	Mạnh	3/5/1990							7			0.9	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
411	DTK1051010443	Đỗ Văn	Mạnh	9/4/1992							KĐ			0.0	Thiếu Ban
412	DTK1151010189	Nguyễn Văn	Mạnh	27/11/93									7	0.9	Thiếu Ban
413	DTK1151010458	Phùng Văn	Mạnh	13/01/92						6	7		8	2.6	Thiếu Ban
414	DTK1151010631	Nguyễn Quốc	Mạnh	6/4/1990							6			0.8	Thiếu Ban
415	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Mạnh	19/05/93						8				1.0	Thiếu Ban
416	DTK1151010729	Trịnh Tiến	Mạnh	20/09/93						8				1.0	Thiếu Ban
417	K125520201033	Ngô Văn	Mạnh	3/10/1992	5	B	0		6					1.1	Thiếu Ban
418	K125520201291	Vũ Tiến	Mạnh	6/5/1993				6						0.6	Thiếu Ban
419	K125520216044	Nguyễn Văn	Mạnh	25/10/94	B	8	6	6	6	8	5	7	7	6.0	Thiếu Ban
420	DTK1051010204	Đoàn Công	Minh	1/5/1992						8	5	8	6	3.4	Thiếu Ban
421	DTK1051010364	Nguyễn Văn	Minh	3/3/1992						B				0.0	Thiếu Ban
422	DTK1151010031	Đỗ Văn	Minh	15/03/93						9	7	8	9	4.1	Thiếu Ban
423	DTK1151020316	Nguyễn Ngọc	Minh	16/02/93							B	KĐ		0.0	Thiếu Ban
424	DTK1151030096	Nguyễn Ngọc	Minh	10/10/1993	B					5	B	7	7	2.4	Thiếu Ban
425	DTK1151010084	Trương Văn	Mỹ	4/8/1990								6	6	1.5	Thiếu Ban
426	DTK0951020039	Nguyễn Văn	Nam	6/2/1991						9	3	7	7	3.3	Thiếu Ban
427	DTK0951020681	Trần Giang	Nam	6/4/1991			2							0.2	Thiếu Ban
428	DTK1051010839	Trần Thành	Nam	11/6/1992						8	6	8	8	3.8	Thiếu Ban
429	DTK1051020125	Đặng Văn	Nam	3/6/1992						B			B	0.0	Thiếu Ban
430	DTK1051020650	Nguyễn Hải	Nam	12/2/1992							8			1.0	Thiếu Ban
431	DTK1151010033	Bùi Xuân	Nam	30/06/93						9	7	8		3.0	Thiếu Ban
432	DTK1151010681	Nguyễn Hồng	Nam	24/12/93							8	5		1.6	Thiếu Ban
433	DTK1151020091	Nguyễn Văn	Nam	2/4/1993	7	7	6	6	6					3.2	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
434	DTK1151020267	Trần Anh	Nam	10/2/1993						B	6	7		1.6	Thiếu Ban
435	DTK1151020383	Nguyễn Văn	Nam	9/3/1993							3			0.4	Thiếu Ban
436	K125520201103	Nguyễn Khắc	Nam	24/10/93	9	7	8	7	7	9	7	7	8	7.7	Đạt
437	K125520201200	Hoàng Văn	Nam	7/5/1994	6	4	6	6	6	10	6	7	8	6.7	Đạt
438	K125520207041	Vũ Ngọc	Nam	18/07/94	8	7	6	5	6					3.2	Thiếu Ban
439	K125520216047	Nguyễn Thanh	Nam	9/2/1994	5	8	5	7	7	B	6	8	7	5.8	Thiếu Ban
440	K125520216048	Nguyễn Thành	Nam	7/11/1994	5	8	5	6	6	9	7	8	6	6.8	Đạt
441	K125520216049	Phạm Thành	Nam	19/06/94					B	7	7	6	7	3.4	Thiếu Ban
442	K125520216050	Nguyễn Văn	Nam	23/10/94	6	6	B	7	6	5	6	6	6	5.4	Thiếu Ban
443	K125520216185	Nguyễn Phương	Nam	22/11/94	7	6	7	B	8	7	6	7	7	6.2	Thiếu Ban
444	K125520201273	Phạm Văn	Năm	2/4/1993	8	6	4	5	6					2.9	Thiếu Ban
445	DTK1151030297	Nguyễn Thị	Nga	21/06/93								8		1.0	Thiếu Ban
446	K125520207021	Trần Thị	Ngân	3/4/1994	8	8	5	7	8					3.6	Thiếu Ban
447	K125520216186	Nguyễn Hữu	Nghị	25/03/93	8	7	4	7	7	8	8	8	7	7.2	Đạt
448	DTK1051010912	Bùi Xuân	Nghĩa	29/04/92						8	8	6	7	3.6	Thiếu Ban
449	DTK1151010509	Hà Văn	Nghĩa	7/12/1993						6	8	8	7	3.6	Thiếu Ban
450	DTK1151020144	Trần Đại	Nghĩa	22/10/93						KĐ			B	0.0	Thiếu Ban
451	DTK1151030205	Hoàng Trung	Nghĩa	4/12/1993								8		1.0	Thiếu Ban
452	K125520216081	Lê Quang	Nghĩa	7/2/1993	6	7	5	6	7	KĐ		B	7	4.0	Thiếu Ban
453	K125520216092	Ninh Chí	Nghĩa	8/12/1994	6	5	3	6	5		B			2.5	Thiếu Ban
454	DTK0951020108	Nguyễn Văn	Ngọc	6/11/1990						7	7	7	4	3.1	Thiếu Ban
455	DTK1051030407	Vũ Văn	Ngọc	5/12/1992	4	7	7				6	8	8	4.6	Thiếu Ban
456	DTK1151010193	Nguyễn Bảo	Ngọc	30/01/93							KĐ		8	1.0	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
457	DTK1151020093	Phạm Thái	Ngọc	5/7/1993			B		B					0.0	Thiếu Ban
458	DTK1151030145	Hoàng Thị	Ngọc	16/03/93						7	7	7		2.6	Thiếu Ban
459	K125520207022	Đào Thị	Ngọc	15/07/94	7	6	7	7	7	9	8	6	7	7.2	Đạt
460	K125520216142	Nguyễn Văn	Ngọc	9/5/1994	8	8	7	6	8					3.7	Thiếu Ban
461	DTK0951010051	Nguyễn Công	Nguyên	4/8/1990								6	4	1.3	Thiếu Ban
462	DTK1151030146	Nông Văn	Nguyên	5/3/1993						9	7	8	8	4.0	Thiếu Ban
463	K125510604066	Chu Thị	Nguyệt	30/04/94	5	6	7	5	8					3.1	Thiếu Ban
464	DTK1151020037	Mai Đức	Nhâm	11/5/1992									8	1.0	Thiếu Ban
465	DTK1151010034	Đỗ Văn	Nhất	10/10/1993							6	8		1.8	Thiếu Ban
466	DTK1151030147	Nguyễn Thế	Nhất	4/1/1993						6		7	5	2.3	Thiếu Ban
467	DTK1051010843	Đào Sỹ	Nhật	27/02/92						KĐ	6			0.8	Thiếu Ban
468	K125520216308	Nguyễn Tiến	Nhật	1/11/1994	8	7	7	5	5			KĐ		3.2	Thiếu Ban
469	K125520201037	Nguyễn Thị	Nhi	2/2/1993	8	8	7	8	7					3.8	Thiếu Ban
470	DTK0951010196	Nguyễn Văn	Nhơn	20/10/89							6	6		1.5	Thiếu Ban
471	DTK1151010088	Nghiêm Văn	Nhung	19/08/93						8	6	8	6	3.5	Thiếu Ban
472	K125520201106	Dương Thị Thanh	Nhung	7/12/1994	6	6	8	7	6					3.3	Thiếu Ban
473	K125520201275	Vũ Xuân	Ninh	2/5/1994	8	8	6	7	8					3.7	Thiếu Ban
474	K125520216144	Bùi Văn	Ninh	27/06/93	8	3	0	B	B					1.1	Thiếu Ban
475	K125520201038	Giáp Thị	Oanh	16/06/94	8	8	6	7	8					3.7	Thiếu Ban
476	K125520207024	Nguyễn Thu	Oanh	8/9/1993	8	7	6	7	7	1	B	6	7	5.3	Thiếu Ban
477	DTK0951070068	Tần Láo	Pà	3/5/1990		6								0.6	Thiếu Ban
478	DTK1151020387	Dương Văn	Pháp	15/06/93						6	6	7	8	3.4	Thiếu Ban
479	LAOS115010	Olot	Phetmar	17/03/94	6	5	7	8	6					3.2	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
480	K125520201108	Vũ	Phi	18/03/94	7	8	5	7	6					3.3	Thiếu Ban
481	K125520201040	Phổng Chàn	Phin	20/04/94	6	7	8		7					2.8	Thiếu Ban
482	DTK1151030255	Đoàn Thị	Phổ	16/01/93						B	6	7	B	1.6	Thiếu Ban
483	LAOS115016	Saithong	PhonBo	3/2/1990	5	5	5	8	6					2.9	Thiếu Ban
484	K125520201277	Đinh Văn	Phong	27/09/94		5		7	7					1.9	Thiếu Ban
485	DTK0951020686	Trần Văn	Phú	22/01/90						B	7	6	B	1.6	Thiếu Ban
486	DTK1151020204	Vũ Quang	Phúc	21/01/93						8			7	1.9	Thiếu Ban
487	K125520216145	Lê Văn	Phúc	21/04/94	9	7	7	8	5	8	6	8	7	7.2	Đạt
488	K125520216189	Nguyễn Minh	Phúc	12/3/1994	5	7	5	7	8	6	6	8	5	6.3	Đạt
489	DTK0951060127	Nguyễn Thế	Phương	12/12/1991							6			0.8	Thiếu Ban
490	DTK1051010844	Đào Trọng	Phương	5/1/1992						7		B	6	1.6	Thiếu Ban
491	DTK1151010142	Trần Văn	Phương	15/01/93						8			8	2.0	Thiếu Ban
492	DTK1151010144	Vũ Văn	Phương	6/11/1993	B	B			B	4	8		4	2.0	Thiếu Ban
493	DTK1151010571	Nguyễn Khắc	Phương	1/6/1992						8	6	8	7	3.6	Thiếu Ban
494	DTK1151010685	Nguyễn Đăng	Phương	23/03/93						4	6	8	6	3.0	Thiếu Ban
495	DTK1151020475	Đào Duy	Phương	24/07/93			B						6	0.8	Thiếu Ban
496	DTK1151020480	Nguyễn Sỹ	Phương	10/7/1992						9				1.1	Thiếu Ban
497	DTK1151030038	Nguyễn Hữu	Phương	15/12/92		B								0.0	Thiếu Ban
498	K125520201276	Bùi Minh	Phương	25/04/94	8	8	8	8	8	9	7	8	7	7.9	Đạt
499	K125520201310	Nguyễn Thu	Phương	19/12/94	7	6	7	7	7	9	6	7	8	7.2	Đạt
500	K125520207084	Nguyễn Thị	Phương	21/11/94	6	8	5	7	6	9		7	8	6.2	Thiếu Ban
501	K125520216100	Mai Hồng	Phương	20/04/94	7	8	8	6	7	B	6			4.4	Thiếu Ban
502	K125520216245	Chu Văn	Phương	15/09/93	5	5	4	6	7	6		9	6	5.3	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
503	DTK1151010036	Nguyễn Văn	Phượng	12/10/1993						4				0.5	Thiếu Ban
504	DTK1051030413	Hà Hải	Quân	20/11/92									5	0.6	Thiếu Ban
505	DTK1151020146	Phan Đình	Quân	14/05/93	B	8	7	6	7					2.8	Thiếu Ban
506	DTK1151030208	Đỗ Viết	Quân	24/07/92			B							0.0	Thiếu Ban
507	K125520216146	Nguyễn Minh	Quân	21/02/94	B	4		7		8	3	7	6	4.1	Thiếu Ban
508	K125520216247	Trương Hồng	Quân	10/7/1994	8	8	5	6	8					3.5	Thiếu Ban
509	K125520216306	Tạ Văn	Quân	13/01/93	7	8	7	8	8	9	8	8	7	7.8	Đạt
510	DTK1151010412	Đặng Ngọc	Quang	5/2/1993						9		8	8	3.1	Thiếu Ban
511	DTK1151010513	Nguyễn Đăng	Quang	10/5/1992						7	6			1.6	Thiếu Ban
512	DTK1151020442	Ninh Văn	Quang	27/01/93	B	B								0.0	Thiếu Ban
513	K125520201109	Đặng Văn	Quang	25/09/94	8	5	7	5	5					3.0	Thiếu Ban
514	K125520216055	Nguyễn Văn	Quang	24/05/94	8	7	3	6	7	8	6	8		5.9	Thiếu Ban
515	K125520216147	Nguyễn Hào	Quang	13/08/94	7	8	5	6	7	B	6	8		5.1	Thiếu Ban
516	DTK0951020473	Nguyễn Văn	Quảng	11/5/1991							7			0.9	Thiếu Ban
517	K125520201278	Đỗ Văn	Quảng	11/10/1994	8	8	7		7					3.0	Thiếu Ban
518	DTK1151010574	Ngô Đình	Quý	1/12/1993									3	0.4	Thiếu Ban
519	DTK1151010197	Vũ Hồng	Quý	13/07/92							7	8		1.9	Thiếu Ban
520	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993							6	8		1.8	Thiếu Ban
521	DTK1151030149	Lý Đình	Quý	29/09/93							7			0.9	Thiếu Ban
522	DTK1151030150	Nguyễn Phú	Quý	24/01/93								8		1.0	Thiếu Ban
523	K125520214005	Vũ Văn	Quý	5/8/1993	8	7	8	8	8					3.9	Thiếu Ban
524	K125520216148	Phạm Thanh	Quý	28/03/93	7	8	7	8	8					3.8	Thiếu Ban
525	DTK1051010132	Hứa Duy	Quyền	12/12/1992			0	B	B					0.0	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
526	DTK1051020298	Ngô Văn	Quyền	17/02/92								7		0.9	Thiếu Ban
527	K125520201205	Lương Ngọc	Quyền	5/5/1994	9	6	6	6	7	KĐ	B	7		4.3	Thiếu Ban
528	K125520216192	Nguyễn Đức	Quyền	21/01/92	6	6	5	6	6					2.9	Thiếu Ban
529	DTK1051020052	Bùi Văn	Quyết	26/01/92						7				0.9	Thiếu Ban
530	K125520201279	Vũ Văn	Quyết	10/12/1994	6	7	8	6	5	7			5	4.7	Thiếu Ban
531	K125520201110	Phùng Văn	Quỳnh	30/10/94	7	6	5	6	6					3.0	Thiếu Ban
532	DTK1151030042	Hoàng Thị	Quỳnh	27/09/93						7	5	7	7	3.3	Thiếu Ban
533	K125520207109	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/05/93	9	7	8	6	6					3.6	Thiếu Ban
534	K125520216249	Nguyễn Văn	Sáng	4/10/1994	5	4	8	6	7					3.0	Thiếu Ban
535	K125520216252	Lương Gia	Sớm	1/2/1994	7		7	7	7			9		3.9	Thiếu Ban
536	K125520207118	Lường Thị	Son	15/01/94	6	8	7	7	7					3.5	Thiếu Ban
537	DTK1051010294	Trương Văn	Son	1/8/1992						5	6	7	6	3.0	Thiếu Ban
538	DTK1051020571	Lương Hồng	Son	1/5/1992		7	5	6						1.8	Thiếu Ban
539	DTK1151010251	Lê Xuân	Son	20/09/93						9	8	5	6	3.5	Thiếu Ban
540	DTK1151010467	Trương Văn	Son	15/09/93						8	7	7		2.8	Thiếu Ban
541	DTK1151010688	Chu Đức	Son	28/02/92						7	8			1.9	Thiếu Ban
542	DTK1151020446	Mai Thanh	Son	15/08/93						9				1.1	Thiếu Ban
543	DTK1151030151	Hoàng Thái	Son	20/07/93							6			0.8	Thiếu Ban
544	K125520201111	Đỗ Xuân	Son	26/01/94	4	5	7	6	7					2.9	Thiếu Ban
545	K125520201112	Phạm Văn	Son	18/08/94	5	5	7	6	7					3.0	Thiếu Ban
546	K125520201113	Hứa Thế	Son	29/12/94	5	7		5	7					2.4	Thiếu Ban
547	K125520216056	Nguyễn Ngọc	Son	1/7/1994	7	8	7	7	8					3.7	Thiếu Ban
548	K125520216151	Hoàng Hồng	Son	20/02/94	4	6	6	5						2.1	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
549	K125520216195	Nguyễn Đức	Son	17/09/94	8	7	7	7	5					3.4	Thiếu Ban
550	K125520216251	Nguyễn Văn	Son	30/06/93	5	8	7	6	8	8	5	6	8	6.8	Đạt
551	K125520201045	Thào A	Su	12/3/1994	8	B								0.8	Thiếu Ban
552	CPC095012	Puthea	Sun	15/08/91				7						0.7	Thiếu Ban
553	DTK1151010200	Dương Văn	Sỹ	10/7/1993						8	B	B	B	1.0	Thiếu Ban
554	K125520216152	Nguyễn Đức	Sỹ	10/15/1993	8	8	7	7	7					3.7	Thiếu Ban
555	K125520201282	Đặng Thế	Tam	10/20/1993	7	7	6	7	7					3.4	Thiếu Ban
556	DTK1151010637	Nguyễn Đức	Tâm	10/21/1993								6	8	1.8	Thiếu Ban
557	DTK1051020221	Lý Văn	Tấn	10/24/1993						7	7	7	B	2.6	Thiếu Ban
558	DTK1151010580	La Minh	Thái	10/29/1993						9	6	6	6	3.4	Thiếu Ban
559	DTK1151010690	Nguyễn Quang	Thái	11/2/1993						5		7	9	2.6	Thiếu Ban
560	K125520201283	Hà Văn	Thái	11/9/1993	8	5	7	7	8					3.5	Thiếu Ban
561	K125520201284	Vũ Hữu	Thái	11/14/1993	7	6	8	6	6					3.3	Thiếu Ban
562	K125520207026	Phạm Văn	Thái	11/19/1993	7	8	6	6	7					3.4	Thiếu Ban
563	K125520216059	Hồ Anh	Thái	11/28/1993	7	6	7	7	8	8	6	8	5	6.9	Đạt
564	K125520216153	Vũ Văn	Thái	12/7/1993	8	3	7	8	6	8	6	7	7	6.7	Đạt
565	K125520216197	Nguyễn Đức	Thái	12/12/1993	7	8	8	6	6					3.5	Thiếu Ban
566	K125520216253	Nguyễn Văn	Thăng	12/19/1993	8	7	4	7	6			7		4.1	Thiếu Ban
567	DTK0951020406	Nguyễn Văn	Thắng	12/23/1993						KĐ	7	7	6	2.5	Thiếu Ban
568	DTK0951020696	Lê Đức	Thắng	12/24/1993						8	B	B	B	1.0	Thiếu Ban
569	DTK0951060202	Đỗ Mạnh	Thắng	12/28/1993						8		7		1.9	Thiếu Ban
570	DTK1051020226	Nguyễn Công	Thắng	1/7/1994	B	B	5	B	6	6	6	B	B	2.6	Thiếu Ban
571	DTK1151010043	Mai Thế	Thắng	1/9/1994						9	7	7	9	4.0	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
572	DTK1151010150	Phạm Mạnh	Thắng	1/13/1994						8	6	7	7	3.5	Thiếu Ban
573	DTK1151030156	Bùi Văn	Thắng	1/18/1994	8			B	7					1.5	Thiếu Ban
574	DTK1151030158	Dương Ngọc	Thắng	1/21/1994						8				1.0	Thiếu Ban
575	K125520201117	Nguyễn Kim	Thắng	1/26/1994	5	7	6	7	7					3.2	Thiếu Ban
576	K125520201118	Trần Duy	Thắng	1/31/1994	4	5	7	7	7					3.0	Thiếu Ban
577	K125520201302	Ngô Văn	Thắng	2/5/1994	4	6	5	5	8					2.8	Thiếu Ban
578	K125520216155	Đào Xuân	Thắng	2/11/1994	6	8		7		8	3	7		4.4	Thiếu Ban
579	K125520216199	Triệu Đình	Thắng	2/20/1994	7	5	5	7	7	8	6	8	5	6.5	Đạt
580	DTK1051020228	Lường Huy	Thanh	2/21/1994						7	6	6	7	3.3	Thiếu Ban
581	DTK1151010472	Tạ Quang	Thanh	2/25/1994									7	0.9	Thiếu Ban
582	K125520201285	Hoàng Trường	Thanh	3/2/1994	4	7	7	7	6					3.1	Thiếu Ban
583	K125520207029	Nguyễn Văn	Thanh	3/11/1994	8	7	8	7	6	10	7	6	7	7.4	Đạt
584	K125520216060	Nguyễn Ngọc	Thanh	3/19/1994	7	7	8		7	B	7	6	7	5.4	Thiếu Ban
585	K125520216061	Nguyễn Duy	Thanh	3/27/1994	6	7	6	6		9	7	8	9	6.6	Thiếu Ban
586	DTK1051010460	Đào Quang	Thành	3/29/1994						4		6		1.3	Thiếu Ban
587	DTK1151020210	Trần Trung	Thành	4/1/1994						8	5			1.6	Thiếu Ban
588	K125520201211	Trần Văn	Thành	4/11/1994	B	6	8	7	5					2.6	Thiếu Ban
589	K125520201309	Nguyễn Văn	Thành	4/19/1994	3	9	7	7	6	KĐ		6	8	5.0	Thiếu Ban
590	K125520207027	Nguyễn Tiến	Thành	4/23/1994	4		5	7	6					2.2	Thiếu Ban
591	K125520207091	Lê Văn	Thành	4/27/1994						8	7	7	5	3.4	Thiếu Ban
592	K125520207092	Nguyễn Trung	Thành	5/2/1994	7	5	7	7	5					3.1	Thiếu Ban
593	K125520216154	Nguyễn Văn	Thành	5/3/1994						8	6	5	7	3.3	Thiếu Ban
594	K125520216309	Lê Đình	Thành	5/15/1994	7	8	8	7	7	8	5	7	7	7.1	Đạt

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
595	DTK1151010694	Nguyễn Văn	Thao	5/16/1994							7			0.9	Thiếu Ban
596	DTK0851030130	Nguyễn Văn	Thạo	5/17/1994						8	6		5	2.4	Thiếu Ban
597	DTK1151020041	Nguyễn Sỹ	Thạo	5/20/1994				7						0.7	Thiếu Ban
598	K125520201153	Vũ Văn	Thế	5/26/1994	8	6	8	6	7					3.5	Thiếu Ban
599	DTK1151010367	Trần Xuân	Thê	5/27/1994						KĐ			7	0.9	Thiếu Ban
600	K125520216200	Nguyễn Bá	Thêm	6/6/1994	8	6	7	7	7	KĐ	5	7	5	5.6	Thiếu Ban
601	K125520216257	Ma Khánh	Thêm	6/14/1994	8	B		7	7		1	6	7	4.0	Thiếu Ban
602	K125520201213	Lương Văn	Thi	6/23/1994	5	7	7	7	7	9	7	6	8	7.1	Đạt
603	K125520207095	Trần Văn	Thi	6/28/1994	7	8	6	8	6					3.5	Thiếu Ban
604	K125520216201	Nguyễn Tiến	Thi	7/7/1994	4	8	5	6	7	7	8	8	9	7.0	Đạt
605	K125520201150	Nguyễn Phúc	Thiêm	7/10/1994	7		4	6						1.7	Thiếu Ban
606	DTK1151010152	Dương Văn	Thiện	7/11/1994							7			0.9	Thiếu Ban
607	DTK1151020212	Chu Bá	Thiện	7/15/1994		5	6	5	7					2.3	Thiếu Ban
608	K125520207096	Nguyễn Văn	Thiện	7/20/1994	5	5	7	8	7					3.2	Thiếu Ban
609	K125520216258	Nguyễn Quang	Thiện	7/28/1994	8	4	6		8	KĐ	5	6	7	4.9	Thiếu Ban
610	DTK1151010586	Vũ Ngọc	Thiết	8/1/1994			B	B				B		0.0	Thiếu Ban
611	DTK1151020213	Hoàng Văn	Thiết	8/2/1994	B									0.0	Thiếu Ban
612	K125520216158	Hồ Ngọc	Thiết	8/7/1994	7	7	8	7	6					3.5	Thiếu Ban
613	K125520216202	Lê Đình	Thiết	8/16/1994	4	8	6	6	7	8	6	6	7	6.5	Đạt
614	DTK1051010299	Lưu Đức	Thìn	8/17/1994							8			1.0	Thiếu Ban
615	DTK1051030432	Nguyễn Bá	Thịnh	8/21/1994						9	6	7	6	3.5	Thiếu Ban
616	DTK1151010697	Hoàng Đình	Thịnh	8/22/1994							7	8	4	2.4	Thiếu Ban
617	DTK1151020103	Nguyễn Đăng	Thịnh	8/25/1994		B	B	B	B	B	B		7	0.9	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
618	DTK1051020484	Nguyễn Đình	Thọ	9/1/1994							6		7	1.6	Thiếu Ban
619	DTK1151030329	Trịnh Đức	Thọ	9/3/1994						1				0.1	Thiếu Ban
620	K125520201050	Dương Văn	Thọ	9/4/1994	6	6		B	8					2.0	Thiếu Ban
621	K125520216156	Nguyễn Tiến	Thọ	9/16/1994	7	8	8	6	8	8	5	7	8	7.2	Đạt
622	K125520201141	Nguyễn Văn	Thoại	9/20/1994	4	8	8	6						2.6	Thiếu Ban
623	DTK1151060013	Bùi Thị	Thom	9/26/1994	B	B				B	5	7	5	2.1	Thiếu Ban
624	K125520201287	Nguyễn Thị	Thu	10/6/1994	5	8	3	7	7	7	7	8	1	5.9	Đạt
625	K125520201305	Dương Thị	Thu	10/15/1994	5	6	6	8	7	4	7	7	6	6.2	Đạt
626	K125520201046	Triệu Thị	Thư	10/25/1994	8	7	7	8	8	7	7	7	8	7.4	Đạt
627	DTK1151030321	Vi Văn	Thụ	10/26/1994			0				6			0.8	Thiếu Ban
628	K125520216064	Nguyễn Văn	Thụ	11/3/1994	6	9	6	7	6		7		8	5.3	Thiếu Ban
629	DTK1151010096	Đinh Văn	Thuận	11/4/1994							7			0.9	Thiếu Ban
630	DTK1151020337	Nguyễn Đức	Thuận	11/5/1994			B						4	0.5	Thiếu Ban
631	DTK1151020158	Trình Công	Thức	11/8/1994						KĐ	6		6	1.5	Thiếu Ban
632	DTK1051010143	Đinh Văn	Thường	11/11/1994						9	6	8	6	3.6	Thiếu Ban
633	DTK1151010420	Đào Duy	Thưởng	11/15/1994						7	B	6		1.6	Thiếu Ban
634	K125520207112	Lê Thị Thanh	Thúy	11/22/1994	7	8	7	8	6					3.6	Thiếu Ban
635	K125520216098	Trịnh Thị Kim	Thúy	12/1/1994	8	7	7	7	7	9	7	6	6	7.1	Đạt
636	DTK1051010624	Lê Văn	Thủy	12/2/1994						9	5	8		2.8	Thiếu Ban
637	DTK1151030051	Nguyễn Trọng	Thủy	12/5/1994						9	1	6	7	2.9	Thiếu Ban
638	K125520216066	Nguyễn Thị	Thủy	12/17/1994	7	8	8	5	8	9	8	7	6	7.4	Đạt
639	K125520216259	Phan Ngọc	Thủy	12/24/1994	8	4	7	7	8		8	7		5.3	Thiếu Ban
640	DTK1151010528	Đinh Văn	Thuyết	12/25/1994						4	7		9	2.5	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
641	DTK1051010147	Dương Văn	Tiến	12/28/1994								6	5	1.4	Thiếu Ban
642	DTK1051010627	Tạ Văn	Tiến	12/30/1994						B	B	B	B	0.0	Thiếu Ban
643	DTK1051020584	Lưu Mạnh	Tiến	1/3/1995	B					9	7	7	8	3.9	Thiếu Ban
644	DTK1151010480	Lâm Văn	Tiến	1/8/1995						8	B	8	8	3.0	Thiếu Ban
645	DTK1151010532	Trần Văn	Tiến	1/12/1995									7	0.9	Thiếu Ban
646	DTK1151010533	Nguyễn Văn	Tiến	1/13/1995						9				1.1	Thiếu Ban
647	DTK1151030163	Ngô Minh	Tiến	1/14/1995									8	1.0	Thiếu Ban
648	K125520201216	Phạm Văn	Tiến	1/23/1995	4	8	8	6	6	5	7	6	8	6.5	Đạt
649	K125520201217	Nguyễn Văn	Tiến	2/1/1995	7	6	8	6	6	7	8	7	7	6.9	Đạt
650	K125520201291	Vũ Mạnh	Tiến	2/7/1995	5	6	8	6	7					3.2	Thiếu Ban
651	DTK1151010423	Hoàng Văn	Tiếp	2/9/1995						4	7	8	7	3.3	Thiếu Ban
652	DTK1151010539	Trần Hữu	Tính	2/10/1995						9	7	7	7	3.8	Thiếu Ban
653	K125520201298	Phạm Hữu	Tính	2/11/1995	7	6	2	B	7	6		8		4.0	Thiếu Ban
654	DTK1151010417	Đàm Duy	Tình	2/12/1995			B	7		5	6			2.1	Thiếu Ban
655	DTK1151020151	Lê Văn	Tình	2/13/1995									6	0.8	Thiếu Ban
656	DTK1051010070	Đào Văn	Tĩnh	2/14/1995						7				0.9	Thiếu Ban
657	DTK1151010424	Hoàng Thanh	Tĩnh	2/15/1995						B		B	6	0.8	Thiếu Ban
658	DTK1151030110	Phạm Văn	Tĩnh	2/16/1995						8	7	B	6	2.6	Thiếu Ban
659	DTK0951010293	Lục Văn	Típ	2/17/1995						6	6	6	B	2.3	Thiếu Ban
660	DTK1051020680	Lê Thanh	Toàn	2/18/1995						5			8	1.6	Thiếu Ban
661	DTK1151010157	Nguyễn Đức	Toàn	2/19/1995						7	6	7	5	3.1	Thiếu Ban
662	K125520201057	Nguyễn Tuấn	Toàn	2/20/1995	8	8			7					2.3	Thiếu Ban
663	K125520201058	Lê Văn	Toàn	2/21/1995	6	8		5						1.9	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
664	K125520201293	Thân Đình	Toàn	2/22/1995	8	7	8	7		7			6	4.6	Thiếu Ban
665	DTK1051060087	Vũ Bá	Toàn	2/23/1995						9	B	7	5	2.6	Thiếu Ban
666	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toàn	2/24/1995						8		7	7	2.8	Thiếu Ban
667	DTK1151010592	Ngô Văn	Trang	2/25/1995						8	7	7	5	3.4	Thiếu Ban
668	K125520201221	Vũ Minh	Trang	2/26/1995	8	6	7	8	7	8	7	7	6	7.1	Đạt
669	K125520207033	Lăng Thị Thùy	Trang	2/27/1995	8	8	3	7	7					3.3	Thiếu Ban
670	K125520207099	Đàm Thị	Trang	2/28/1995	6	6	7	7	7	8	8	6	7	6.9	Đạt
671	K125520216089	Trần Minh	Trí	3/1/1995	9	7	B	5	8					2.9	Thiếu Ban
672	DTK1151010426	Đặng Kim	Triều	3/2/1995								6		0.8	Thiếu Ban
673	DTK0951010370	Dương Công	Triệu	3/3/1995								7		0.9	Thiếu Ban
674	DTK1151010425	Trương Văn	Trình	3/4/1995						9			8	2.1	Thiếu Ban
675	K125520207107	Hắc Ngọc	Trúc	3/5/1995	8	6	6	7	8					3.5	Thiếu Ban
676	DTK0951010749	Nguyễn Thành	Trung	3/6/1995						KĐ	B	B	B	0.0	Thiếu Ban
677	DTK1051010233	Nguyễn Mạnh	Trung	3/7/1995						9	6	7	7	3.6	Thiếu Ban
678	DTK1051010313	Ngô Hà	Trung	3/8/1995						8	7		5	2.5	Thiếu Ban
679	DTK1051020405	Nguyễn Văn	Trung	3/9/1995						KĐ			7	0.9	Thiếu Ban
680	DTK1151010704	Nguyễn Hữu	Trung	3/10/1995							7	8		1.9	Thiếu Ban
681	K125520216071	Nguyễn Văn	Trung	3/11/1995	8	7	7	7	8		8			4.7	Thiếu Ban
682	K125520216084	Nông Thế	Trung	3/12/1995	7	5	7	6	7					3.2	Thiếu Ban
683	K125520216209	Hà Nam	Trung	3/13/1995	6	5	6	7	7	7	6	8	6	6.5	Đạt
684	K125520216266	Trịnh Quang	Trung	3/14/1995	8		6	7	7					2.8	Thiếu Ban
685	DTK1051010232	Nguyễn Đình	Trưởng	3/15/1995							8			1.0	Thiếu Ban
686	DTK1051030275	Hoàng Hữu	Trưởng	3/16/1995						8		8		2.0	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
687	DTK1151010103	Nguyễn Văn	Trường	3/17/1995							7			0.9	Thiếu Ban
688	K125520103167	Lục Quảng	Trường	3/18/1995	8									0.8	Thiếu Ban
689	K125520201059	Linh Văn	Trường	3/19/1995	9	9	8	6	B					3.2	Thiếu Ban
690	K125520201128	Nguyễn Công	Trường	3/20/1995	7	7	5	B	7					2.6	Thiếu Ban
691	DTK0951010593	Lâm Minh	Tú	3/21/1995								7		0.9	Thiếu Ban
692	DTK1051010068	Âu Văn	Tú	3/22/1995						8	6			1.8	Thiếu Ban
693	DTK1051020155	Nguyễn Ngọc	Tú	3/23/1995	9	7	7	6	7					3.6	Thiếu Ban
694	DTK1051030273	Ngô Thanh	Tú	3/24/1995								B	6	0.8	Thiếu Ban
695	DTK1151010048	Đỗ Văn	Tú	3/25/1995							7			0.9	Thiếu Ban
696	DTK1151010370	Hoàng Văn	Tú	3/26/1995						9	6			1.9	Thiếu Ban
697	DTK1151020459	Ninh Quang	Tú	3/27/1995	7					9				1.8	Thiếu Ban
698	DTK1151030266	Diêm Đăng	Tú	3/28/1995	B	B			B	6			5	1.4	Thiếu Ban
699	K125520207032	Nông Thị Cẩm	Tú	3/29/1995						KĐ	B	5	7	1.5	Thiếu Ban
700	K125520216069	Nguyễn Anh	Tú	3/30/1995	6	6	6	7	7	9	8	9	8	7.5	Đạt
701	K125520216163	Đỗ Ngọc	Tú	3/31/1995	8	7	6	6	8					3.5	Thiếu Ban
702	K125520216206	Nguyễn Hữu	Tú	4/1/1995	8	7	5	6	7	7	6	8	6	6.7	Đạt
703	DTK1151020330	Nguyễn Văn	Tư	4/2/1995									8	1.0	Thiếu Ban
704	DTK1151020448	Nguyễn Viết	Tư	4/3/1995						6				0.8	Thiếu Ban
705	DTK1151020460	Nguyễn Thị	Tứ	4/4/1995						B	6		7	1.6	Thiếu Ban
706	DTK1151030164	Trương Xuân	Tứ	4/5/1995			B			5	6	6	B	2.1	Thiếu Ban
707	DTK1151010484	Vũ Anh	Tuân	4/6/1995							5	7		1.5	Thiếu Ban
708	DTK1151010595	Giáp Văn	Tuân	4/7/1995						6	7	5	6	3.0	Thiếu Ban
709	DTK1151020115	Nguyễn Minh	Tuân	4/8/1995							6	8	7	2.6	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
710	K125520201222	Nguyễn Viết	Tuân	4/9/1995	8	7	6	5	8	7	5	6	8	6.7	Đạt
711	K125520201296	Đinh Văn	Tuân	4/10/1995	7	8	5	7	7					3.4	Thiếu Ban
712	DTK0951010893	Trần Văn	Tuấn	4/11/1995						9	7	7	7	3.8	Thiếu Ban
713	DTK1051010555	Nguyễn Anh	Tuấn	4/13/1995								7		0.9	Thiếu Ban
714	DTK1051010715	Lục Mạnh	Tuấn	4/14/1995						8	7	7		2.8	Thiếu Ban
715	DTK1051010942	Nguyễn Hữu	Tuấn	4/15/1995									7	0.9	Thiếu Ban
716	DTK1151010053	Lương Đình	Tuấn	4/16/1995						8	8	7		2.9	Thiếu Ban
717	DTK1151010212	Đỗ Minh	Tuấn	4/17/1995							6			0.8	Thiếu Ban
718	DTK1151010266	Trần Văn	Tuấn	4/18/1995						8	6	7	5	3.3	Thiếu Ban
719	DTK1151010374	Nguyễn Kim	Tuấn	4/19/1995						6	7	8	6	3.4	Thiếu Ban
720	DTK1151010537	Vũ Đức	Tuấn	4/20/1995						7	7	6		2.5	Thiếu Ban
721	DTK1151010596	Bùi Minh	Tuấn	4/21/1995						9	7		1	2.1	Thiếu Ban
722	DTK1151020169	Trần Minh	Tuấn	4/22/1995	9	7	6	7	6					3.5	Thiếu Ban
723	DTK1151020287	Nguyễn Văn	Tuấn	4/23/1995								7		0.9	Thiếu Ban
724	DTK1151020347	Lê Mạnh	Tuấn	4/24/1995						9	B	8	7	3.0	Thiếu Ban
725	DTK1151020405	Vũ Văn	Tuấn	4/25/1995						8			8	2.0	Thiếu Ban
726	DTK1151030167	Dương Văn	Tuấn	4/26/1995	5			B	7					1.2	Thiếu Ban
727	K125520201223	Nguyễn Văn	Tuấn	4/27/1995	6	8	8		7	9	7	B	7	5.8	Thiếu Ban
728	K125520201297	Nguyễn Mạnh	Tuấn	4/28/1995	5	4	7	6	6		7			3.7	Thiếu Ban
729	K125520207040	Hoàng Anh	Tuấn	4/29/1995	7	7	5	6	7					3.2	Thiếu Ban
730	K125520216072	Dương Anh	Tuấn	4/30/1995		6								0.6	Thiếu Ban
731	K125520216073	Lương Thành	Tuấn	5/1/1995	6	5	7	6	6	9	6	8	8	6.9	Đạt
732	K125520216074	Nguyễn Lâm	Tuấn	5/2/1995	6	B	6	5	7					2.4	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
733	K125520216075	Phan Văn	Tuấn	5/3/1995	4	6	7	6		9	8		5	5.1	Thiếu Ban
734	K125520216210	Trương Văn	Tuấn	5/4/1995	6	7	6	B	B					1.9	Thiếu Ban
735	K125520216211	Phùng Mạnh	Tuấn	5/5/1995	7	6	5	1		B	B	7	7	3.7	Thiếu Ban
736	K125520216268	Vũ Khắc	Tuất	5/6/1995	8	8	8	7	6		5	8	9	6.5	Thiếu Ban
737	K125520216168	Đào Minh	Tuệ	5/7/1995	7	7	8	6	7					3.5	Thiếu Ban
738	DTK0951020283	Nhữ Sơn	Tùng	5/8/1995							7	8	8	2.9	Thiếu Ban
739	DTK1051010386	Nguyễn Xuân	Tùng	5/9/1995						7	6	6		2.4	Thiếu Ban
740	DTK1051020352	Tổng Thanh	Tùng	5/10/1995		7								0.7	Thiếu Ban
741	DTK1151020161	Nguyễn Văn	Tùng	5/11/1995								6	6	1.5	Thiếu Ban
742	DTK1151020216	Lăng Văn	Tùng	5/12/1995						B	7			0.9	Thiếu Ban
743	DTK1151030162	Nguyễn Văn	Tùng	5/13/1995							5	6	6	2.1	Thiếu Ban
744	DTK1151030218	Dương Ngọc	Tùng	5/14/1995						1				0.1	Thiếu Ban
745	DTK1151030306	Trần Văn	Tùng	5/15/1995						KĐ		7		0.9	Thiếu Ban
746	K125520201214	Nguyễn Trí	Tùng	5/16/1995	7	8	8	8	7	8		B	7	5.7	Thiếu Ban
747	K125520201289	Lê Nguyên	Tùng	5/17/1995	B	7	2	7	B					1.6	Thiếu Ban
748	K125520201307	Đào Gia	Tùng	5/18/1995	8	7	8	6	8					3.7	Thiếu Ban
749	K125520216068	Triệu Sơn	Tùng	5/19/1995						7	7	6	8	3.5	Thiếu Ban
750	K125520216204	Vũ Việt	Tùng	5/20/1995					9					0.9	Thiếu Ban
751	K125520216261	Ngô Văn	Tùng	5/21/1995		3	0	B						0.3	Thiếu Ban
752	DTK1151010422	Lê Công	Tước	5/22/1995			B							0.0	Thiếu Ban
753	DTK0951010754	Nguyễn Văn	Tuyên	5/23/1995							7			0.9	Thiếu Ban
754	DTK1151020470	Vũ Đình	Tuyên	5/24/1995			B		B	9	1	8	8	3.3	Thiếu Ban
755	DTK1151030113	Thân Văn	Tuyên	5/25/1995						7		7	5	2.4	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lượng	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
756	DTK1151020406	Hoàng Văn Tuyền	5/26/1995						8	8	B	8	3.0	Thiếu Ban
757	DTK1151020465	Hoàng Bá Quang Tuyền	5/27/1995						5		8	6	2.4	Thiếu Ban
758	K125520201064	Nguyễn Thị Tuyền	5/28/1995	7	8	7	7	7					3.6	Thiếu Ban
759	K125520201133	Nguyễn Văn Tuyền	5/29/1995	3	8	5	6	B					2.2	Thiếu Ban
760	K125520216099	Dương Văn Tuyền	5/30/1995	6	6	7	6	6	5	7	9	8	6.7	Đạt
761	DTK1151010428	Hoàng Thanh Tuyền	5/31/1995						9	6	7	6	3.5	Thiếu Ban
762	K125520207101	Chu Thị Tuyết	6/1/1995	9	7	4	6	6					3.2	Thiếu Ban
763	K125510601044	Nguyễn Thị Vân	6/2/1995	8	5	8	7	7					3.5	Thiếu Ban
764	K125520201066	Đào Thị Vân	6/3/1995	8	7	8	8	8	7	7	8	8	7.7	Đạt
765	K125520216076	Đặng Thị Vân	6/4/1995	6	7	7	6	7	8	6	7	8	6.9	Đạt
766	DTK1051020245	Cò Hữu Văn	6/5/1995	4	8	7	6	8	5	7	8	8	6.8	Đạt
767	K125520201225	Hoàng Thế Văn	6/6/1995	5	6	7	7	7	7	8	7	6	6.7	Đạt
768	DTK0951020356	Trịnh Văn Việt	6/7/1995								6		0.8	Thiếu Ban
769	DTK1151010108	Bàng Văn Việt	6/8/1995						8	6	8	7	3.6	Thiếu Ban
770	DTK1151010322	Đỗ Tiến Việt	6/9/1995						4				0.5	Thiếu Ban
771	DTK1151010707	Lưu Đức Việt	6/10/1995									6	0.8	Thiếu Ban
772	DTK1151030169	Hà Đức Việt	6/11/1995	B	5	B	6	B	KĐ	7	8		3.0	Thiếu Ban
773	DTK1151030170	Đỗ Đức Việt	6/12/1995						9				1.1	Thiếu Ban
774	K125520201226	Phan Việt Việt	6/13/1995	0	7	8	B	7	7	7	6	8	5.7	Thiếu Ban
775	K125520216077	Lê Quang Việt	6/14/1995	6	6	B	7						1.9	Thiếu Ban
776	K125520216170	Vũ Ngọc Việt	6/15/1995	6	6	7	8	8					3.5	Thiếu Ban
777	1141100029	Bê Trọng Vinh	6/16/1995						10	6		7	2.9	Thiếu Ban
778	DTK1151010541	Trần Xuân Vinh	6/17/1995						9		5	B	1.8	Thiếu Ban

STT	MSSV	Họ	tên	Ngày sinh	Tiền	Phay	Bào	Nguội	Hàn	Đo lường	Trang Bị	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét
779	DTK1151020348	Bùi Trọng	Vinh	6/18/1995	6		6	7	6					2.5	Thiếu Ban
780	LAOS115001	Bun Tha	Von	6/19/1995				B		6	7			1.6	Thiếu Ban
781	DTK1051030141	Nguyễn Tuấn	Vũ	6/20/1995							3	6		1.1	Thiếu Ban
782	DTK1151010216	Thân Văn	Vũ	6/21/1995		6								0.6	Thiếu Ban
783	DTK1151010652	Nguyễn Quang	Vũ	6/22/1995								8		1.0	Thiếu Ban
784	DTK1151020228	Nguyễn Tuấn	Vũ	6/23/1995			0			B			8	1.0	Thiếu Ban
785	K125520207036	Nguyễn Văn	Vũ	6/24/1995	7	7	7	7	6					3.4	Thiếu Ban
786	K125520216171	Vi Thị	Vui	6/25/1995	8	7	7	7	7					3.6	Thiếu Ban
787	DTK1051020409	Bùi Đình	Vương	6/26/1995		B		B	7					0.7	Thiếu Ban
788	DTK1151010540	Nguyễn Trọng	Vương	6/27/1995							7			0.9	Thiếu Ban
789	K125520216269	Nguyễn Quốc	Vương	6/28/1995	8	8	7	7	6	9	7	6	6	7.1	Đạt
790	K125520216169	Trần Văn	Vượng	6/29/1995	4	8	8	7	8			8	5	5.1	Thiếu Ban
791	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	6/30/1995	4	7	7			6			5	3.2	Thiếu Ban
792	K125520207122	Sùng Thị	Xú	7/1/1995	6	7	5	7	7					3.2	Thiếu Ban
793	DTK1051010721	Hoàng Văn	Xuân	7/2/1995							7	6	7	2.5	Thiếu Ban
794	K125520207037	Dương Thị	Yên	7/3/1995	7	7			7	8	8	7	8	6.0	Thiếu Ban
795	K125520216079	Nguyễn Đắc	Yên	7/4/1995	6			7			7		7	3.1	Thiếu Ban
796	K125520201138	Hoàng Thị	Yến	7/5/1995	6	8	7	8	8	4	7	8	6	6.8	Đạt
797	K125520207038	Nguyễn Thu	Yến	7/6/1995	6	8	8	7	8					3.7	Thiếu Ban

Ấn định danh sách: 979 SV